TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **163**/2024/HS-ST
Ngày: 03/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

Ông Huỳnh Thế Cần.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐXXST-HS ngày 19/02/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2024/HSST-QĐ ngày 06/3/2024 và Thông báo dời ngày xét xử số 204/2024/TB-TA ngày 11/3/2024 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc V; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh năm: 1971; tại Quảng Ngãi; HKTT: khu dân cư B, thôn M, xã Đ1, huyện M1, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: ấp 4, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: không; Con ông Phạm Ngọc C và bà Bùi Thị Thanh N; gia đình có 02 anh em; có vợ là Đặng Thị Thanh T và có 02 con sinh năm 2002, 2007.

Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 19/02/1998 bị Toà án nhân dân thành phố Mỹ Tho xử phạt 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân" quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985 (Bản án 18/HSST). Ngày 27/7/1998, chấp hành xong hình phạt tù, ngày 29/6/2009 được miễn thi hành án phí. Đã được xoá án

tích.

- Ngày 02/02/1999, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản công dân" quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 1985 (Bản án số 03/HSST). Ngày 02/9/1999, chấp hành xong hình phạt tù, đã đóng án phí ngày 23/3/1999. Đã được xoá án tích.

- Ngày 19/9/2003, bị Toà án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Bản án 96/HSST/2003). Đã đóng án phí ngày 02/4/2004. Đã được xoá án tích.

- Ngày 12/5/2005, bị Toà án nhân dân quận 11, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (Bản án 50/2005/HSST). Đã đóng án phí ngày 17/8/2005. Đã được xoá án tích.

- Ngày 05/5/2010, bị Toà án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (Bản án 116//2010/HSST). Tổng hợp hình phạt 15 tháng tù treo của Bản án 96/HSST/2003 và 01 năm 06 tháng tù của Bản án 50/2005/HSST, bị cáo phải chấp hành hình phạt 06 năm 03 tháng tù. Ngày 04/02/2015, chấp hành xong hình phạt tù, đã đóng án phí ngày 07/6/2010. Đã được xoá án tích.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/9/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Đinh Thúy P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khu phố M, phường QP, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có đơn xin vắng mặt

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố I, phường U, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Phùng Văn T1, sinh năm 1954.

Địa chỉ: khu phố G, phường R, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Lư Q, sinh năm 1955.

Địa chỉ: khu phố C, phường L, thành phố TA, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, Phạm Ngọc V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt vé số của những người bán vé số dạo để đem bán lại hoặc giữ lại để dò kết quả mở thưởng và nhận thưởng nếu trúng. Thủ đoạn của V là chuẩn bị những vé số đã mở thưởng xếp lại thành từng cọc giấu sẵn trong người rồi đi tìm những người bán vé số dạo để giả vờ mua vé số, khi người bán vé số đưa vé số cho V để lựa vé thì V sẽ lợi dụng lúc người bán vé số không chú ý và lấy cọc vé số cũ đã chuẩn bị sẵn trong người tráo đổi lấy vé số của người bán vé số. Với thủ đoạn như trên, trong ngày 24/9/2023 V đã thực hiện 02 vụ chiếm đoạt vé số của người bán vé số dạo, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 05 giờ 00 ngày 24/9/2023, V mang theo các cọc vé số đã mở thưởng và điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 76G1-323.xx đi từ phòng trọ ở huyện H, thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố B. Khi đi đến Cầu Đồng Nai thì V tháo biển số xe 76G1-323.xx giấu vào trong cốp xe rồi tiếp tục điều khiển xe đi đến đường N, thuộc khu phố E, phường T1, thành phố B thì phát hiện bà Đinh Thúy P, ngụ tại: khu phố M, phường QP, thành phố B đang đứng bán vé số dạo trên vỉa hè nên V dừng xe lại giả vờ hỏi mua vé số. V đưa cho bà P 05 (năm) tờ vé số, giả vờ nhờ bà P dò kết quả và yêu cầu bà P đưa vé số cho V chọn mua. Bà P tưởng thật nên cầm 05 tờ vé số của V để dò kết quả và đưa cho V 01 cọc vé số có 350 tờ (gồm 300 vé của Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Tiền Giang và 50 vé của Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Kiên Giang) để V lựa. Lợi dụng lúc bà P đang nhìn vào sổ để dò vé số, V đã lấy cọc vé số của bà P giấu vào túi quần và lấy cọc vé số đã chuẩn bị sẵn trong túi quần ra đưa trả lại cho bà P rồi V trả cho bà P 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng) là tiền mua 04 tờ vé số. Sau đó, V điều khiển xe mô tô bỏ đi và chiếm đoạt 346 tờ vé số chưa trả tiền trong xấp vé số của bà P.

Vụ thứ hai: khoảng 06 giờ 00 ngày 24/9/2023, sau khi chiếm đoạt được vé số của bà P thì V điều khiển xe mô tô đi trên đường PT, phường T1, thành phố B thì phát hiện bà Lê Thị T, ngụ tại: xã NP, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (bà T là người khuyết tật nặng cụt 02 tay 02 chân), đang điều khiển xe lăn đi bán vé số

nên V điều khiển xe mô tô đi theo bà T. Khi đến Ngã 4 Vincom, thuộc khu phố I, phường T1, bà T dùng xe vào lề đường trước siêu thị Vincom để bán vé số nên V cũng dừng xe lại giả vờ hỏi mua vé số của bà T. Bà T tưởng thật nên đưa cho V 01 cọc vé số có 840 tờ (loại vé do Công ty Xổ số kiến thiết tỉnh Tiền Giang phát hành) để V lựa chọn. V nói với bà T là mua 08 tờ vé số và đưa cho bà T 01 (một) tờ tiền mệnh giá 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng), thấy vậy bà T nói V tự lấy tiền thừa để trong giỏ tiền của bà T nhưng V không đồng ý. Lợi dụng lúc bà T đang lấy tiền trong giỏ thì V lấy cọc vé số của bà T giấu vào túi quần rồi rúi 01 cọc vé số đã chuẩn bị trong túi quần đưa trả cho bà T. Khi bà T trả lại tiền thừa cho V thì V điều khiển xe bỏ đi và chiếm đoạt của bà T 832 tờ vé số chưa trả tiền trong xấp vé số của bà T. Sau khi V bỏ đi thì ông Phùng Văn T1 (là người quen của bà T) đến giúp bà T bán vé số đã phát hiện vé số của bà T bị tráo đổi nên ông T1 đưa bà T đến Công an phường T1 trình báo. Công an phường T1 đã lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa điều tra, xác minh.

Vật chứng vụ án gồm:

+ 346 tờ vé số của bà P (bà P không nhớ dãy số và ký hiệu), sau khi chiếm đoạt thì V giữ lại và sau khi dò kết quả không trúng thì V đã vứt bỏ. Đối với 832 tờ vé số của bà T (bà T không nhớ dãy số và ký hiệu) sau khi chiếm đoạt được thì V đem bán cho ông Q là chủ quầy vé số "HQ" tại khu phố C, phường LT, thành phố TA, tỉnh Bình Dương 500 vé, sau đó ông Q bán lại cho người không rõ họ tên, địa chỉ 420 vé và 80 vé còn lại sau khi dò không trúng thưởng thì ông Q đã vứt bỏ; còn 332 vé (Ba trăm ba mươi hai) V giữ lại và sau khi dò kết quả không trúng thì V đã vứt bỏ.

+ 01 (một) USB chứa hình ảnh camera ghi lại hành vi phạm tội của Phạm Ngọc V (lưu trong hồ sơ vụ án).

+ 293 (Hai trăm chín mươi ba) tờ vé số cũ đã mở thưởng của Phạm Ngọc V sử dụng để tráo đổi chiếm đoạt vé số của bà Đinh Thúy P do bà P giao nộp.

+ 470 (Bốn trăm bảy mươi) tờ vé số cũ đã mở thưởng của Phạm Ngọc V sử dụng để tráo đổi chiếm đoạt vé số của bà Lê Thị T do bà T giao nộp.

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa thu giữ của Phạm Ngọc V 323 (Ba trăm hai mươi ba) tờ vé số đã mở thưởng do Phạm Ngọc V chuẩn bị làm công cụ phạm tội và 503 (Năm trăm lẻ ba) tờ vé số Phạm Ngọc V khai đã chiếm đoạt của 01 người bán vé số dạo (không rõ tên, địa chỉ) ngày 26/9/2023.

+ 10.300.000đ (Mười triệu ba trăm nghìn đồng), trong đó có 2.000.000 (Hai triệu đồng) tiền V bán vé số chiếm đoạt của bà Lê Thị T, 8.300.000đ (Tám triệu ba trăm nghìn đồng) là tài sản của V.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1174, số Imel: 355043870902 thu giữ của Phạm Ngọc V.

+ 01 (một) xe mô tô hiệu SH Mode, BS: 76G1-323.xx. Số máy: JF51E0628023; Số khung: RLHJF5145GY115819 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020821 của Phạm Ngọc V sử dụng làm phương tiện phạm tội.

Tại bản kết luận định giá số 560/KL-HĐĐGTS ngày 20/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Biên Hòa kết luận: "346 (Ba trăm bốn mươi sáu) tờ vé số trị giá 3.460.000đ (Ba triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng)". (Bút lục 54,55).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 511/KL-HĐĐGTS ngày 27/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: "832 (Tám trăm ba mươi hai) tờ vé số trị giá 8.320.000đ (Tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)" (Bút lục 54,55).

Về trách nhiệm dân sự: gia đình của Phạm Ngọc V đã nhờ chị Trần Thị Kim H (là bạn của V) bồi thường cho bà Đinh Thúy P 3.079.400đ (Ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm đồng) và bồi thường cho bà Lê Thị T 7.404.800đ (Bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn tám trăm đồng). Bà P và bà T không có yêu cầu gì khác.

Tại Cáo trạng số: 74/CT-VKSBH ngày 22/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Phạm Ngọc V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt Phạm Ngọc V mức hình phạt từ 01 năm 08 tháng đến 02 năm tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị hại bà Đinh Thúy P, bà Lê Thị T, người làm chứng ông Phùng Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt. Người làm chứng ông Lư Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Bà P, bà T, ông T1, ông Q đã có lời khai tại hồ sơ vụ án. Xét thấy, sự vắng mặt của bà P, bà T, ông T1, ông Q không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà P, bà T, ông T1, ông Q.

[3] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 24/9/2023, Phạm Ngọc V đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn sử dụng những vé số cũ đã mở thưởng để tráo đổi và chiếm đoạt vé số mới chưa mở thưởng của bà Đinh Thúy P 346 (Ba trăm bốn mươi sáu) tờ vé số trị giá 3.460.000đ (Ba triệu bốn trăm sáu mươi ngàn đồng) và của bà Lê Thị T 832 (Tám trăm ba mươi hai) tờ vé số trị giá 8.320.000đ (Tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng), tổng cộng 11.780.000đ (Mười một triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội. Bị cáo là người trong độ tuổi có khả năng lao động, để có tiền tiêu xài lại có hành vi bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác thể hiện thái độ xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự địa phương. Bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần sử dụng hành vi chiếm đoạt vé số để bán lấy tiền tiêu xài và đã bị xử lý hình sự về các tội chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản

thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần có mức án nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội đối với người bị khuyết tật nặng là tình tiết tăng nặng theo điểm g, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại làm đơn xin bãi nại là tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 1.589 (Một ngàn năm trăm tám mươi chín) tờ vé số cũ đã mở thưởng do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1174, số Imel: 355043870902186 do không liên LQ đến vụ án nên trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc V.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu SH Mode, Biển số: 76G1-323.xx; số máy: JF51E0628023; số khung: RLHJF5145GY115819 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020821 (của xe mô tô biển số 76G1-323.xx) là phương tiện của Phạm Ngọc V sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền 10.300.000đ trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc V.

[5] Về trách nhiệm dân sự: gia đình của Phạm Ngọc V đã nhờ chị Trần Thị Kim H (là bạn của V) bồi thường cho bà Đinh Thúy P 3.079.400đ (Ba triệu không trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm đồng) và bồi thường cho bà Lê Thị T 7.404.800đ (Bảy triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn tám trăm đồng). Bà P và bà T không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Đối với ông Lư Q đã mua lại vé số do Phạm Ngọc V bán, ông Q không biết là tài sản do V phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý hình sự là phù hợp.

Quá trình điều tra, Phạm Ngọc V khai nhận còn thực hiện 03 vụ chiếm đoạt vé số của những người bán vé số dạo khác trên địa bàn thành phố Biên Hòa nhưng hiện nay chưa xác minh được bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh và xử lý sau là phù hợp.

[6] Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, k khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc V phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc V **02 (hai) năm tù.** Thời hạn tù được tính kể từ ngày 27/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 1.589 (Một ngàn năm trăm tám mươi chín) tờ vé số cũ đã mở thưởng.

+ Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu SH Mode, Biển số: 76G1-323.xx; số máy: JF51E0628023; số khung: RLHJF5145GY115819 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 020821 (của xe mô tô biển số 76G1-323.xx).

+ Trả lại cho Phạm Ngọc V 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1174, số Imel: 355043870902186.

+ Trả lại cho Phạm Ngọc V số tiền 10.300.000đ (mười triệu ba trăm ngàn đồng).

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2024 và giấy nộp tiền mặt số 24313606 ngày 12/3/2024 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai – Phòng giao dịch Đồng Khởi.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thị Thanh Thủy